



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đầu tư HVA

Ngày 31/03/2024	5,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	38.1%	11.5%

DT thuần Q1/24
0.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.18
YoY: ▼166 -99.9%

LN thuần Q1/24
-0.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.25 51.7%
YoY: ▼1.10 -127%

LN sau thuế Q1/24
-0.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.10 29.7%
YoY: ▼1.04 -129%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
-130%

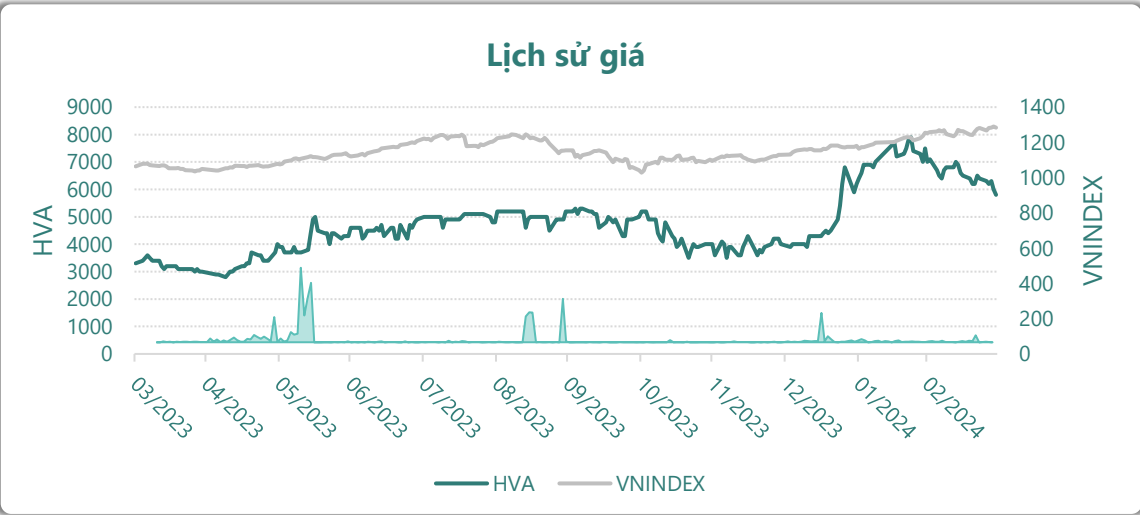
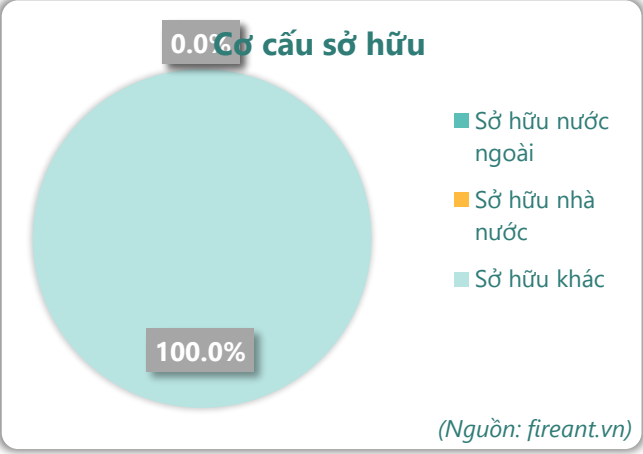
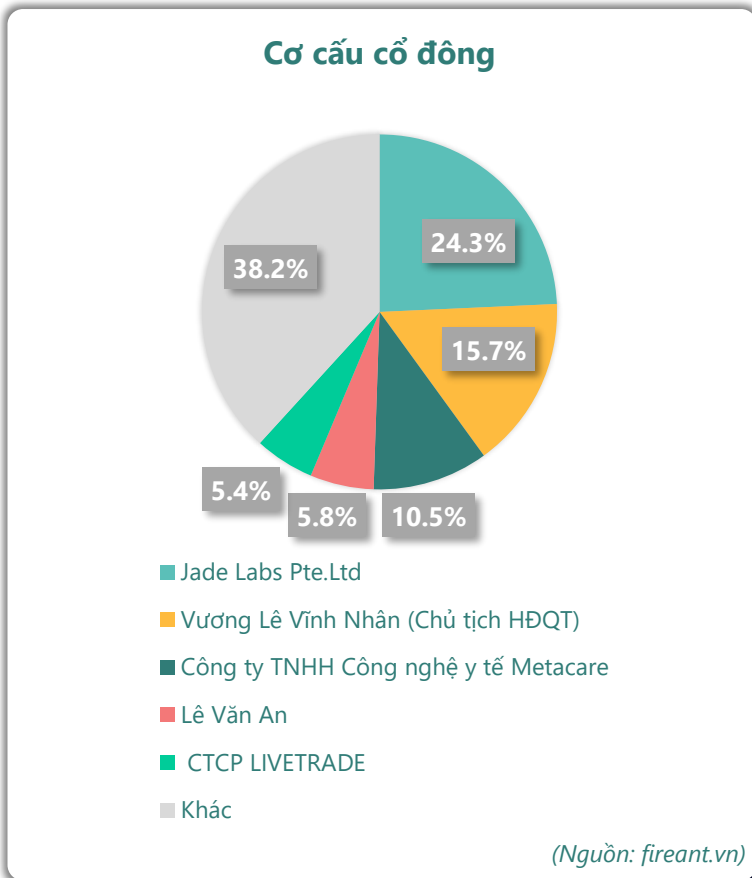
ROE (TTM) Q1/24
-0.1%
YoY: +/-▼ 0.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,800 - 7,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
Số lượng CPLH (CP)	13,650,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,385
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.33)
EPS	-6
P/E	-930.4

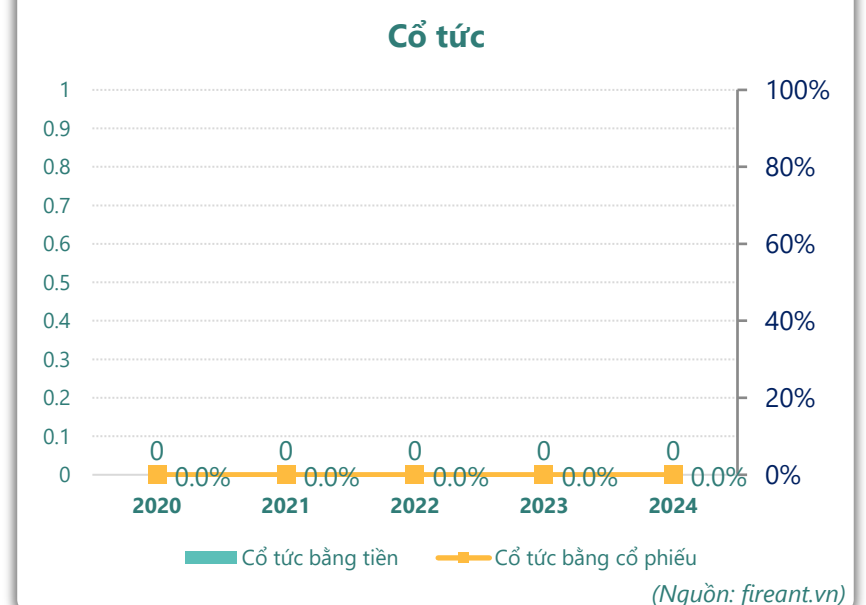
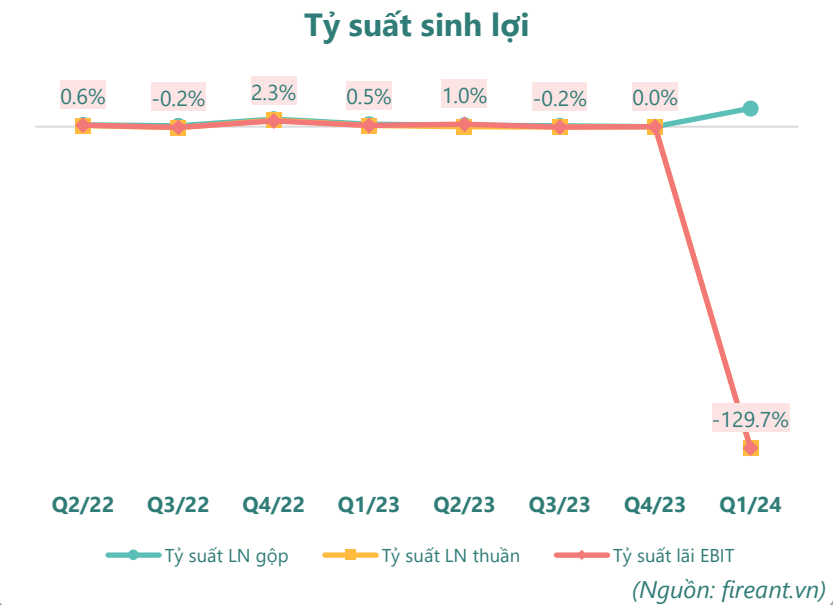
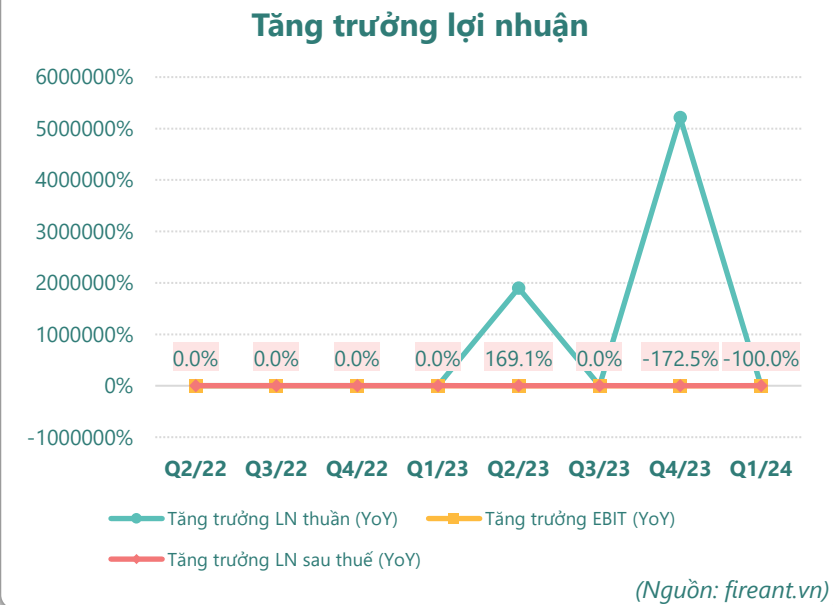
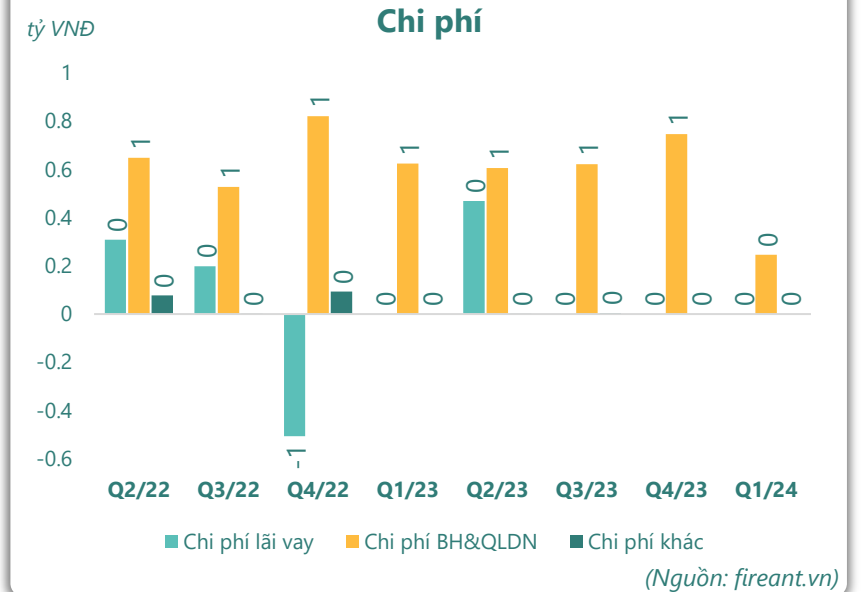
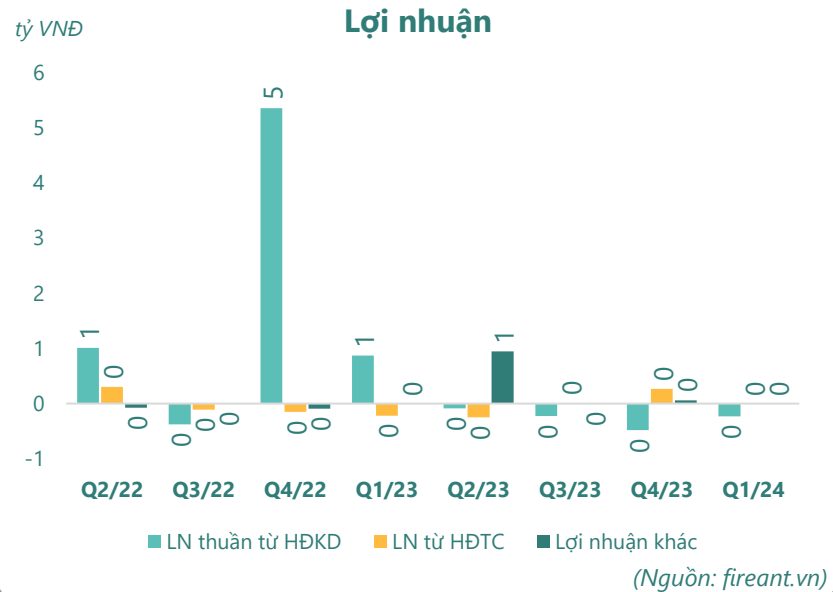
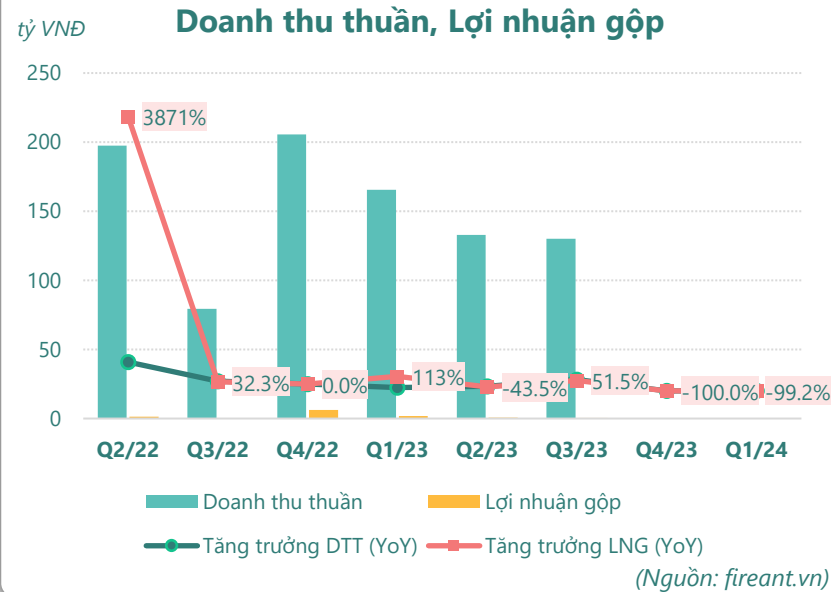
DT thuần 2023
37.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼785 -95.4%

LN thuần 2023
-0.25
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.21 -104%

LN sau thuế 2023
0.56
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.09 -90.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH

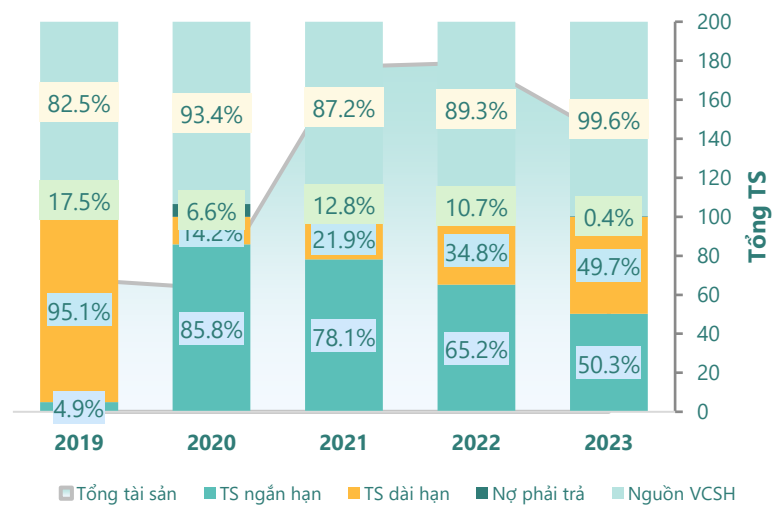




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

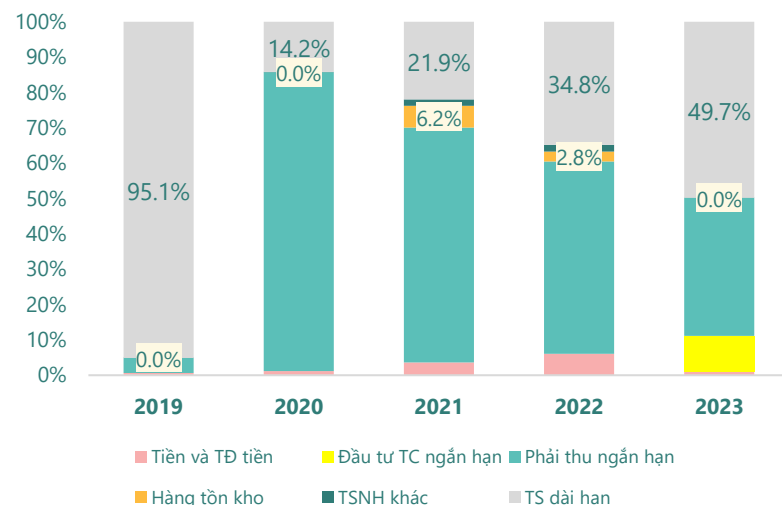
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

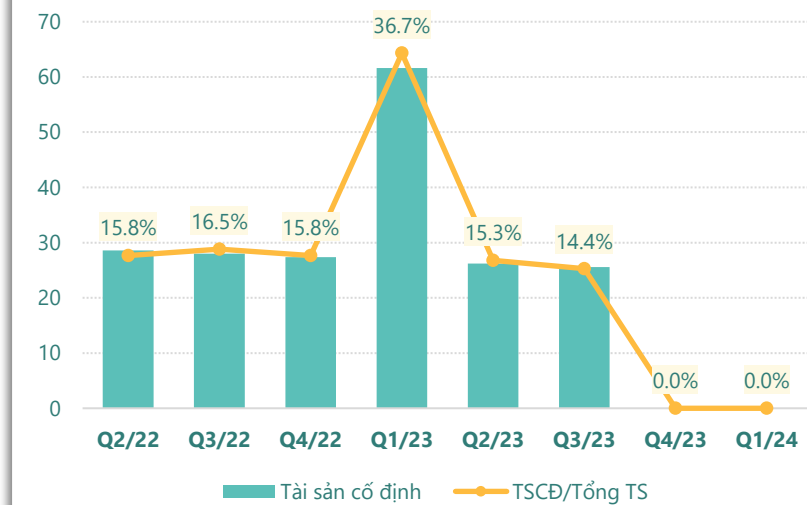
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

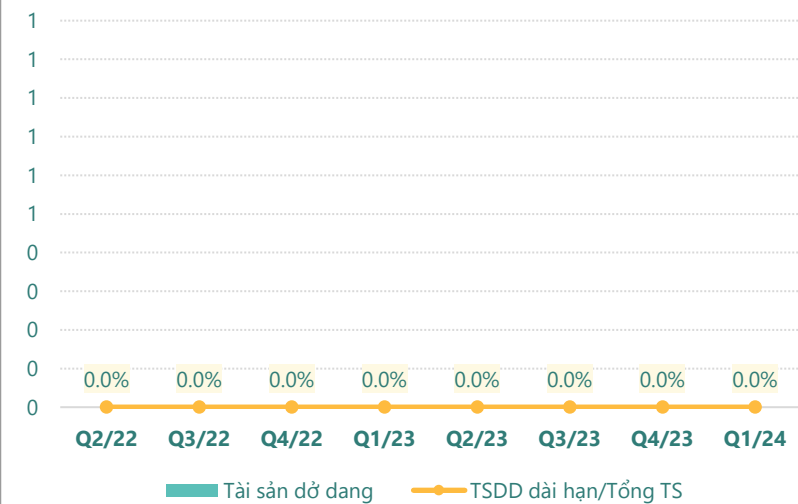
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

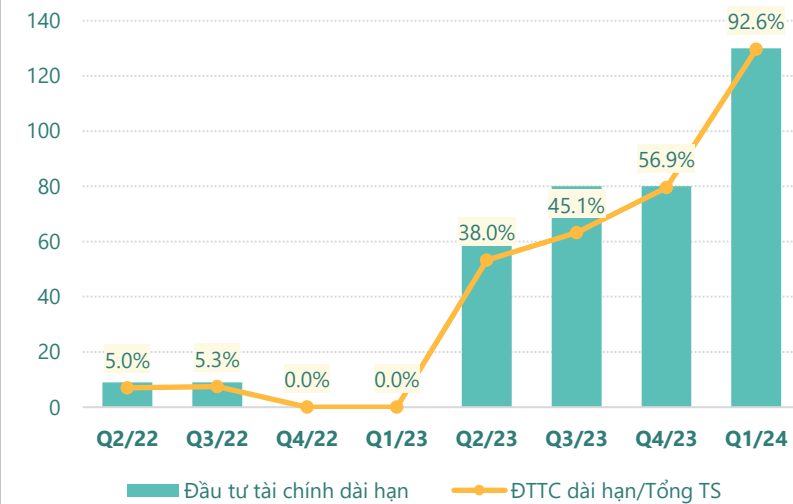
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

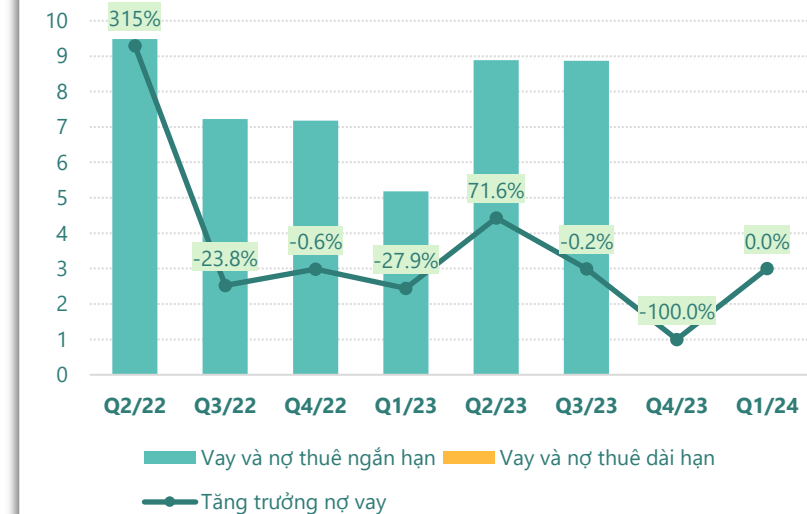
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

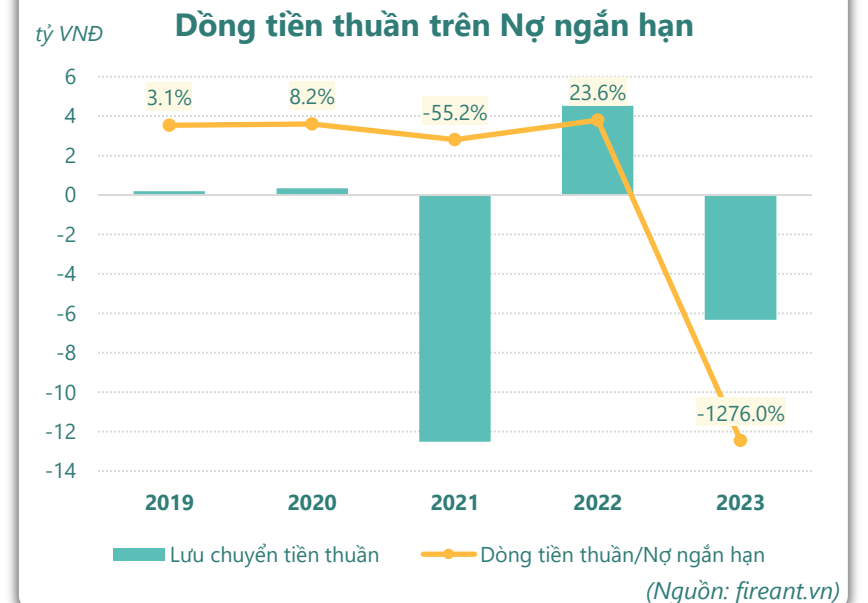
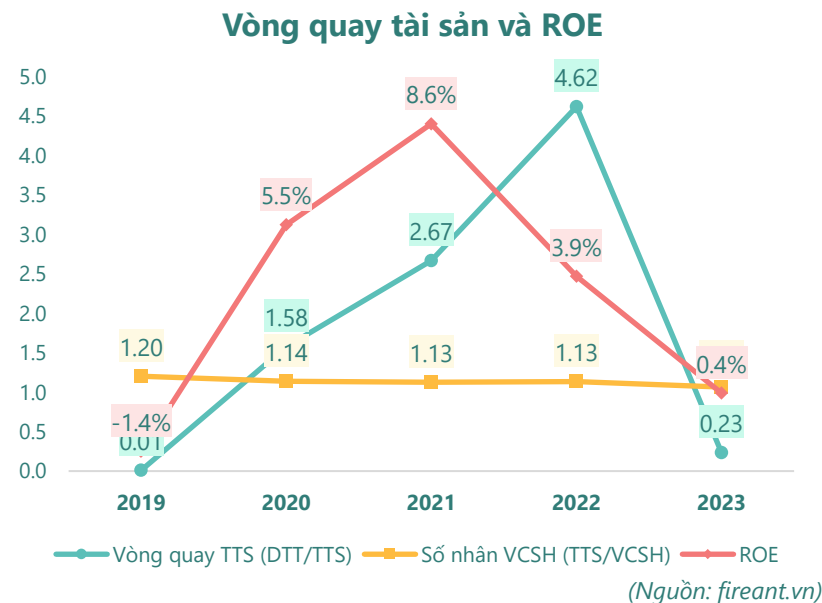
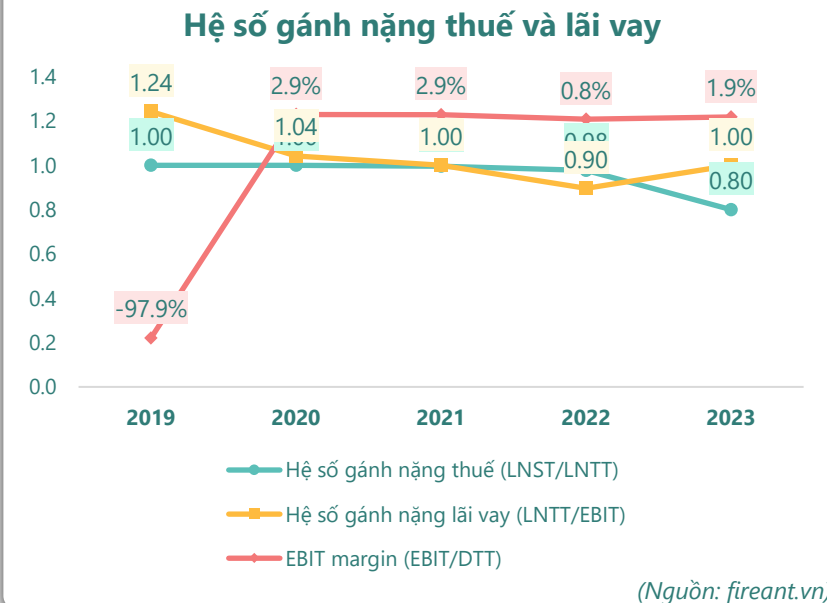
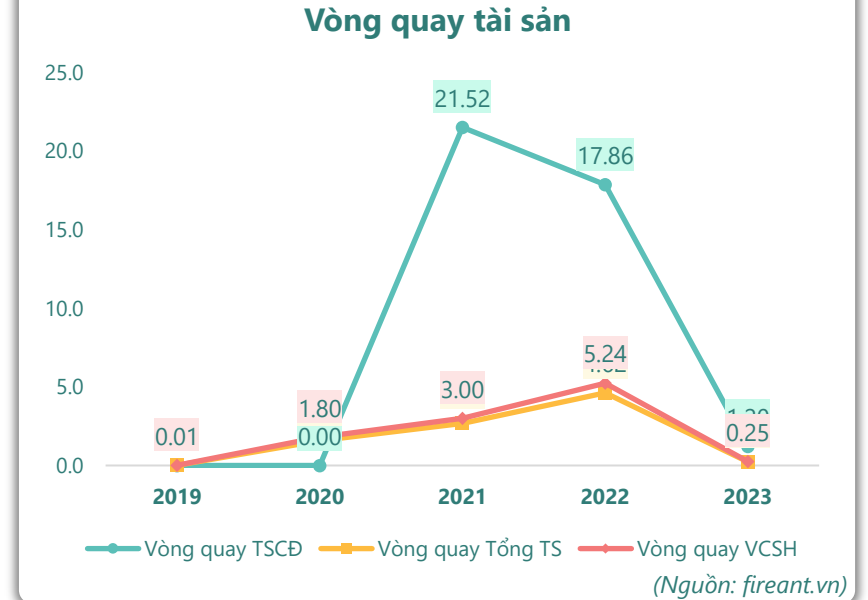
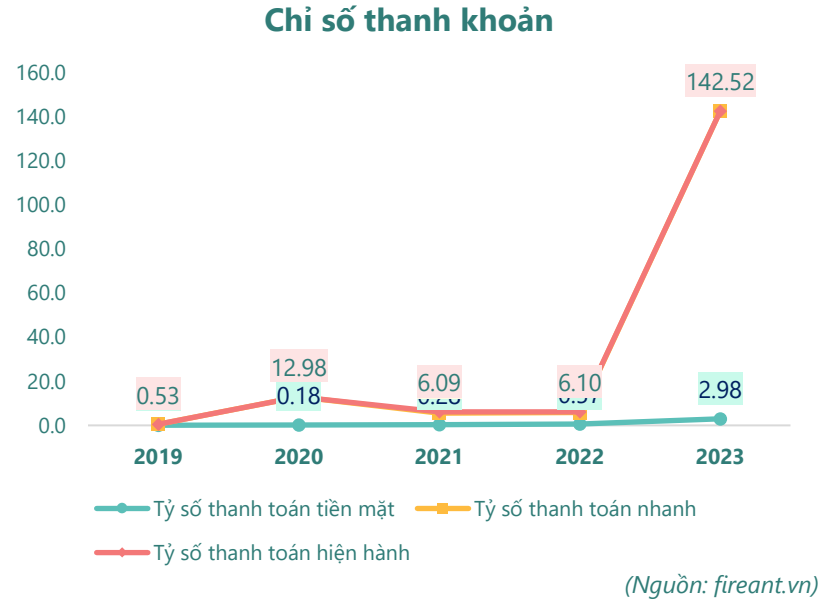
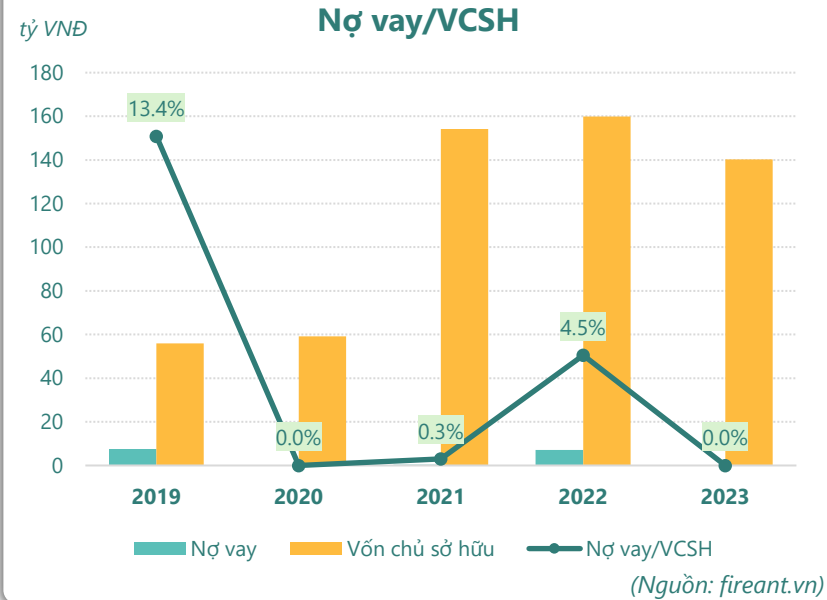
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.18	166	-99.9%	37.5	822	-95.4%
Giá vốn hàng bán	0.17	164	-99.9%	36.9	814	-95.5%
Lợi nhuận gộp	0.01	1.71	-99.2%	0.53	8.76	-94.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.55	0.72	-24.3%
Chi phí TC	0	0.22	-100%	0	0.76	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.67	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.09	-100%	0	0.01	-100%
Chi phí QLDN	0.25	0.54	-54.6%	1.32	2.75	-51.8%
LN thuần từ HĐKD	-0.23	0.87	-127%	-0.25	5.96	-104%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.95	-0.19	610%
LN trước thuế	-0.23	0.87	-127%	0.70	5.77	-87.9%
Lợi nhuận sau thuế	-0.23	0.81	-129%	0.56	5.65	-90.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.23	0.74	-131%	0.56	6.17	-91.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.9	-0.66	87.1	4.20	-3.40	64.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-93.6	0.04	0	-65.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	-2.00	4.01	-0.02	-1.99	0
Tiền đầu kỳ	18.9	10.9	8.25	5.76	9.97	1.48
Lưu chuyển tiền thuần	-22.0	-2.66	-2.50	4.22	-5.39	-1.25
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.00	8.25	5.76	9.97	1.48	0.23

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	140	141	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	10.4	70.7	-85.3%
Tiền và tương đương tiền	0.23	1.48	-84.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	14.1	-100%
Phải thu ngắn hạn	10.0	55.0	-81.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.08	12.6%
Tài sản dài hạn	130	70.0	85.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	130	70.0	85.7%
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.00	1749%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	0.40	0.50	-18.4%
Nợ ngắn hạn	0.40	0.50	-18.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.07	0.05	42.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	140	140	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	140	140	-0.2%
Vốn điều lệ	137	137	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

